

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHI CỤC CHẤT LƯỢNG CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG	
ĐẾN	Số: 178
	Ngày: 28/5/2026
Chuyển:	
Số và ký hiệu HS:	

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 04/THELONG/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức cá nhân: Hộ kinh doanh Cơ sở chế biến hải sản Thái Long

Địa chỉ: Số nhà 14/20, đường Ưông Sỹ Đoan, xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại: 0915.443.406

Mã số doanh nghiệp: 08D8001386 Ngày cấp: 16/10/2014

Nơi cấp: phòng Tài Chính kế hoạch - UBND huyện Thái Thụy.

Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP số: 01/2026/UBND-TT. Ngày cấp 02/02/2026. Nơi cấp: Ủy ban nhân dân xã Thái Thụy.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: SÚA TƯƠI

2. Thành phần: Sứa biển 65%, nước, gia vị (đường, giấm ăn).

3. Thời hạn sử dụng:

- Ngày sản xuất: xem trên bao bì
- Hạn sử dụng: 90 ngày kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Sản phẩm được đóng gói với khối lượng tịnh hỗn hợp 1kg, trong đó khối lượng chất rắn 650g, ...hoặc đóng gói với khối lượng, quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.

- Chất liệu bao bì: Bao bì sử dụng để bao gói tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm được sản xuất từ nhựa PE/PP, ... Vật liệu bao gói đáp ứng Quy chuẩn quốc gia QCVN 12-1:2011/BYT về an toàn thực phẩm đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất)

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (Mẫu nhãn sản phẩm dự kiến như phụ lục đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Hộ kinh doanh Cơ sở chế biến hải sản Thái Long xin cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn của cơ sở tự công bố phù hợp:

- Giới hạn chỉ tiêu kim loại nặng theo Quy chuẩn Việt Nam 8-2:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- Giới hạn chỉ tiêu vi sinh vật đạt Quy chuẩn Việt Nam 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.

- Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ban hành ngày 23 tháng 01 năm 2026 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Thông tư 29/2023/TT-BYT ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2023 hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm bao gói sẵn được sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, lưu thông tại Việt Nam.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hưng Yên, ngày 12 tháng 4 năm 2026

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(ký, họ và tên, đóng dấu)

TẠ THỊ SÁU
HKD CƠ SỞ CHẾ BIẾN HẢI SẢN THỀ LONG
MST: 034164004904
SN 14/20, Đ. UÔNG SỸ ĐOAN, X. THÁI THUY, T. HY

Tạ Thị Sáu

PHỤ LỤC
DANH MỤC CHỈ TIÊU VÀ MỨC CÔNG BỐ
(Đình kèm bản tự công bố số: 04/THELONG/2026)

1. Chỉ tiêu cảm quan:

- Màu sắc: Màu đặc trưng cho sản phẩm.
- Mùi, vị: Thơm, đặc trưng cho sản phẩm, không có mùi, vị lạ.

2. Thông tin dinh dưỡng của sản phẩm:

Thành phần dinh dưỡng theo Thông tư 29/2023/TT-BYT ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2023 hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần sinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm bao gói sẵn được sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, lưu thông tại Việt Nam:

TT	Thành phần dinh dưỡng	Đơn vị tính	Giá trị dinh dưỡng
1	Năng lượng/ <i>Calories</i>	kcal/100g	9.9 – 20
2	Hàm lượng Protein/ <i>Protein</i>	g/100g	1.77 – 3.3
3	Hàm lượng Carbohydrat/ <i>Cabohydrate</i>	g/100g	0.62 – 1.2
4	Hàm lượng béo tổng/ <i>Total fat content</i>	g/100g	≤ 0.5
5	Hàm lượng đường tổng/ <i>Total sugar content</i>	g/100g	≤ 0.5
6	Hàm lượng Natri/ <i>Sodium content</i>	mg/100g	215– 400

3. Giới hạn kim loại nặng trong sản phẩm:

Giới hạn chỉ tiêu kim loại nặng đạt Quy chuẩn Việt Nam 8-2:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm. Ban hành kèm theo Thông tư 15/2012/TT-BYT ngày 01 tháng 3 năm 2012 của Bộ y tế.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quy định
1	Cadmi (Cd)	mg/kg	≤ 0.05
2	Chì (Pb)	mg/kg	≤ 0.5
3	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	≤ 0.5

4. Giới hạn Vi sinh vật trong sản phẩm:

Giới hạn chỉ tiêu vi sinh vật đạt Quy chuẩn Việt Nam 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm. Ban hành kèm theo Thông tư 15/2012/TT-BYT ngày 01 tháng 3 năm 2012 của Bộ y tế.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quy định
1	TSVSV HK	CFU/g	≤ 5x10 ⁶
2	E. coli	CFU/g	< 10
3	Salmonella	CFU/g	Không có
4	Staphylococci dương tính với coagulase	CFU/g	≤ 5x10 ³

NỘI DUNG GHI NHÃN DỰ KIẾN
(đính kèm bản TCB số: 04/THELONG/2026)

SỮA TƯƠI

Thành phần: Sữa biên 65%, nước, gia vị (đường, giấm ăn).

Hướng dẫn sử dụng:

Mở túi sản phẩm, đổ sữa ra để ráo nước. Dùng chế biến các món ăn tùy thích.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản ở nhiệt độ từ 4°C-10°C. Hoặc bảo quản trong ngăn mát tủ lạnh.

Thông tin cảnh báo: Không dùng sản phẩm cho người mẫn cảm với sữa.

Khối lượng tịnh hỗn hợp: ...g

Khối lượng chất rắn: ...g

NSX: xem trên bao bì

HSD: 90 ngày kể từ ngày sản xuất.

Bảng giá trị thành phần dinh dưỡng tính trung bình trong 100g:

TT	Thành phần dinh dưỡng	Đơn vị tính	Giá trị dinh dưỡng
1	Năng lượng/ <i>Calories</i>	kcal/100g	14
2	Hàm lượng Protein/ <i>Protein</i>	g/100g	2.5
3	Hàm lượng Carbohydrat/ <i>Cabohydrate</i>	g/100g	0.8
4	Hàm lượng Natri/ <i>Sodium content</i>	mg/100g	300

Số TCB: 04/THELONG/2026

Sản xuất tại: HỘ KINH DOANH CƠ SỞ CHẾ BIẾN HẢI SẢN THỂ LONG

Địa chỉ: SN 14/20, đường Uông Sỹ Đoạn, xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên.

Nhà phân phối: CÔNG TY TNHH MTV SX-KD-DV TRÂM ANH

Địa chỉ: 133-133A-133B đường An Phú Đông 03, phường An Phú Đông, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Xuất xứ: Việt Nam



AR-26-VD-063814-01 / EUVNHC-00411922- Trang : 1 / 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

HỘ KINH DOANH CƠ SỞ CHẾ BIẾN HẢI SẢN THẾ LONG

Số nhà 14/20, đường Ưông Sỹ Đoan, Xã Thái Thụy

Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : X4GD2603120252-HN

Mã số mẫu : 743-2026-00055080

Mã số Eol :

005-32410-696918

Tên mẫu / Tên sản phẩm :

Sữa tươi

NSX: 02/03/2026

HSD: 90 ngày

Mô tả mẫu :

Mẫu đựng trong bao bì kín

Ngày nhận mẫu :

12/03/2026

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 24/03/2026

Thời gian kiểm nghiệm :

12/03/2026 - 24/03/2026

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VW020 VW (a) <i>Salmonella spp.</i>	/25 g	ISO 6579-1:2017/Amd.1:2020	Không phát hiện
2	VW031 VW (a) <i>Staphylococci dương tính với coagulase</i>	cfu/ g	ISO 6888-1:2021/ Amd 1:2023	Không phát hiện (LOD=10)
3	VWAS2 VW (a) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=1)
4	VW012 VW (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ g	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	9.7x10 ²
5	VD157 VD (a) Xơ Dinh Dưỡng	g/ 100 g	AOAC 991.43	Không phát hiện (LOD=0.05)
6	VD1NP VD (a) Béo	g/ 100 g	TCVN 3703:2009	Không phát hiện (LOD=0.1)
7	VD1NN VD (a) Độ ẩm	%	TCVN 3700:1990	95.7
8	VD2NF VD (a) Đạm	g/ 100 g	TCVN 3705:1990	2.51
9	VWWS6 VW Carbohydrat (không bao gồm xơ dinh dưỡng)	g/ 100 g	FAO Food and Nutrition paper 77 Chapter 2/section 2.3:2003	0.87
10	VW073 VW (a) Cadimi (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
11	VW054 VW (a) Tro	%	TCVN 5105:2009	0.94
12	VW072 VW (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.017)
13	VW074 VW (a) Thủy ngân (Hg)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.007)
14	VD6ZP VD (a) Natri (Na)	mg/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3500 (Ref. AOAC 969.23)	307
15	VWL74 VW Năng lượng (Bao gồm xơ dinh dưỡng)	kcal/ 100 g	FAO 2003 77	14

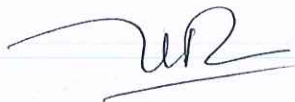
LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2026-00055080

Ký tên



Trần Thị Mỹ Dung
Giám Đốc Chi Nhánh Miền Bắc



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 25/03/2026, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 25/03/2026.

Ghi chú giải thích

Thông thường, mẫu được lưu giữ 10 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kiem-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH

Mã số hộ kinh doanh: 034164004904

Đăng ký lần đầu, ngày 05 tháng 01 năm 2009

Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 19 tháng 01 năm 2026

1. Tên hộ kinh doanh:

Tên hộ kinh doanh viết bằng tiếng Việt: HỘ KINH DOANH CƠ SỞ CHẾ BIẾN HẢI SẢN THẾ LONG

2. Trụ sở của hộ kinh doanh: Số nhà 14/20, đường Ưng Sỹ Đoan, thôn số 4, Xã Thái Thụy, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 0915443406

Fax:

Thư điện tử:

Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020 (Chính)
2	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
3	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
4	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
5	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620

4. Vốn kinh doanh:

Vốn kinh doanh (Bằng số): 1.000.000.000 đồng

Vốn kinh doanh (Bằng chữ): Một tỷ đồng.

5. Chủ thể thành lập hộ kinh doanh: Cá nhân

6. Thông tin về chủ hộ kinh doanh:

Họ và tên: TẠ THỊ SÁU

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 01/02/1964 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 034164004904

Nơi thường trú: Thôn số 3, Xã Thái Thụy, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Nơi ở hiện tại: Thôn số 3, Xã Thái Thụy, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Người thực hiện chứng thực ký,
ghi rõ họ, tên và đóng dấu

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 341.....; Mã văn số: 17.....SCT/BS

Ngày: 20-01-2026

TRƯỞNG PHÒNG



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Hiền



Phạm Thế Chúc



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
THỰC SỰ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

CERTIFICATE
OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THÁI THUY
CHỨNG NHẬN/CERTIFICATION

Cơ sở/Establishment: **HỘ KINH DOANH CƠ SỞ CHẾ BIẾN HẢI SẢN THẾ LONG**

Mã số đăng ký kinh doanh/Registration number: 034164004904

Địa chỉ: Số nhà 14/20, Đường Ưông Sĩ Đoan, thôn 4, xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại: 0915.443.406

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất kinh doanh sản phẩm:

Has been found to be in compliance with food safety regulations for following products:

- 1. Sứa đóng gói**
- 2. Bánh khoai môn**
- 3. Rau, củ đóng gói**

Số cấp/number: 01/2026/UBND-TT

Có hiệu lực đến ngày: 02 tháng 02 năm 2029

Valid until (date/month/year): 02/02/2029

Thái Thụy, ngày 02 tháng 02 năm 2026



CHỦ TỊCH
Nguyễn Đức Trọng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHI CỤC CHẤT LƯỢNG
CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG

Số: 179
Ngày: 28/5/2026
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 05/THELONG/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức cá nhân: Hộ kinh doanh Cơ sở chế biến hải sản Thê Long

Địa chỉ: Số nhà 14/20, đường Ưng Sỹ Đoan, xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại: 0915.443.406

Mã số doanh nghiệp: 08D8001386 Ngày cấp: 16/10/2014

Nơi cấp: phòng Tài Chính kế hoạch - UBND huyện Thái Thụy.

Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP số: 01/2026/UBND-TT. Ngày cấp 02/02/2026. Nơi cấp: Ủy ban nhân dân xã Thái Thụy.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: CHÂN SÚA TƯƠI

2. Thành phần: Chân Sứa biển 65%, nước, gia vị (đường, muối, giấm ăn).

3. Thời hạn sử dụng:

- Ngày sản xuất: xem trên bao bì
- Hạn sử dụng: 90 ngày kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Sản phẩm được đóng gói với khối lượng tịnh hỗn hợp 1kg, trong đó khối lượng chất rắn 650g, ...hoặc đóng gói với khối lượng, quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.

- Chất liệu bao bì: Bao bì sử dụng để bao gói tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm được sản xuất từ nhựa PE/PP, ... Vật liệu bao gói đáp ứng Quy chuẩn quốc gia QCVN 12-1:2011/BYT về an toàn thực phẩm đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất)

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (Mẫu nhãn sản phẩm dự kiến như phụ lục đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Hộ kinh doanh Cơ sở chế biến hải sản Thê Long xin cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn của cơ sở tự công bố phù hợp:

- Giới hạn chỉ tiêu kim loại nặng theo Quy chuẩn Việt Nam 8-2:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- Giới hạn chỉ tiêu vi sinh vật đạt Quy chuẩn Việt Nam 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.

- Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ban hành ngày 23 tháng 01 năm 2026 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Thông tư 29/2023/TT-BYT ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2023 hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần sinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm bao gói sẵn được sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, lưu thông tại Việt Nam.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hung Yên, ngày 12 tháng 4 năm 2026

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(ký, họ và tên, đóng dấu)

TẠ THỊ SÁU
HKD CƠ SỞ CHẾ BIẾN HẢI SẢN THẾ LONG
MST: 034164004904
SN 14/20, Đ. UÔNG SỸ ĐOAN, X. THÁI THUY, T. HY

Tạ Thị Sáu

PHỤ LỤC
DANH MỤC CHỈ TIÊU VÀ MỨC CÔNG BỐ
(Đình kèm bản tự công bố số: 05/THELONG/2026)

1. Chỉ tiêu cảm quan:

- Màu sắc: Màu đặc trưng cho sản phẩm.
- Mùi, vị: Thơm, đặc trưng cho sản phẩm, không có mùi, vị lạ.

2. Thông tin dinh dưỡng của sản phẩm:

Thành phần dinh dưỡng theo Thông tư 29/2023/TT-BYT ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2023 hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần sinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm bao gói sẵn được sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, lưu thông tại Việt Nam:

TT	Thành phần dinh dưỡng	Đơn vị tính	Giá trị dinh dưỡng
1	Năng lượng/ <i>Calories</i>	kcal/100g	7.75 – 15
2	Hàm lượng Protein/ <i>Protein</i>	g/100g	1.76 – 3.3
3	Hàm lượng Carbohydrat/ <i>Cabohydrate</i>	g/100g	≤ 0.5
4	Hàm lượng béo tổng/ <i>Total fat content</i>	g/100g	≤ 0.5
5	Hàm lượng đường tổng/ <i>Total sugar content</i>	g/100g	≤ 0.5
6	Hàm lượng Natri/ <i>Sodium content</i>	mg/100g	1030 – 2000

3. Giới hạn kim loại nặng trong sản phẩm:

Giới hạn chỉ tiêu kim loại nặng đạt Quy chuẩn Việt Nam 8-2:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm. Ban hành kèm theo Thông tư 15/2012/TT-BYT ngày 01 tháng 3 năm 2012 của Bộ y tế.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quy định
1	Cadmi (Cd)	mg/kg	≤ 0.05
2	Chì (Pb)	mg/kg	≤ 0.5
3	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	≤ 0.5

4. Giới hạn Vi sinh vật trong sản phẩm:

Giới hạn chỉ tiêu vi sinh vật đạt Quy chuẩn Việt Nam 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm. Ban hành kèm theo Thông tư 15/2012/TT-BYT ngày 01 tháng 3 năm 2012 của Bộ y tế.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quy định
1	TSVSV HK	CFU/g	≤ 5x10 ⁶
2	E. coli	CFU/g	< 10
3	Salmonella	CFU/g	Không có
4	Staphylococci dương tính với coagulase	CFU/g	≤ 5x10 ³

NỘI DUNG GHI NHÃN DỰ KIẾN
(đính kèm bản TCB số: 05/THELONG/2026)

CHÂN SỮA TƯƠI

Thành phần: Chân Sữa biển 65%, nước, gia vị (muối, đường, giấm ăn).

Hướng dẫn sử dụng:

Mở túi sản phẩm, đổ sữa ra để ráo nước. Dùng chế biến các món ăn tùy thích.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản ở nhiệt độ từ 4°C-10°C. Hoặc bảo quản trong ngăn mát tủ lạnh.

Thông tin cảnh báo: Không dùng sản phẩm cho người mẫn cảm với sữa.

Khối lượng tịnh hỗn hợp: ...g

Khối lượng chất rắn: ...g

NSX: xem trên bao bì

HSD: 90 ngày kể từ ngày sản xuất.

Bảng giá trị thành phần dinh dưỡng tính trung bình trong 100g:

TT	Thành phần dinh dưỡng	Đơn vị tính	Giá trị dinh dưỡng
1	Năng lượng/ <i>Calories</i>	kcal/100g	11
2	Hàm lượng Protein/ <i>Protein</i>	g/100g	2.5
3	Hàm lượng Natri/ <i>Sodium content</i>	mg/100g	1250

Số TCB: 05/THELONG/2026

Sản xuất tại: HỘ KINH DOANH CƠ SỞ CHẾ BIẾN HẢI SẢN THẾ LONG

Địa chỉ: SN 14/20, đường Uông Sỹ Đoạn, xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên.

Nhà phân phối: CÔNG TY TNHH MTV SX-KD-DV TRÂM ANH

Địa chỉ: 133-133A-133B đường An Phú Đông 03, phường An Phú Đông, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Xuất xứ: Việt Nam

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH

Mã số hộ kinh doanh: 034164004904

Đăng ký lần đầu, ngày 05 tháng 01 năm 2009

Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 19 tháng 01 năm 2026

1. Tên hộ kinh doanh:

Tên hộ kinh doanh viết bằng tiếng Việt: HỘ KINH DOANH CƠ SỞ CHẾ BIẾN HẢI SẢN THẾ LONG

2. Trụ sở của hộ kinh doanh: Số nhà 14/20, đường Ương Sỹ Đoan, thôn số 4, Xã Thái Thụy, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 0915443406

Fax:

Thư điện tử:

Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020 (Chính)
2	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
3	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
4	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
5	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620

4. Vốn kinh doanh:

Vốn kinh doanh (Bằng số): 1.000.000.000 đồng

Vốn kinh doanh (Bằng chữ): Một tỷ đồng.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 34 /.....; Nguyên số: 07/SCT/BS

Ngày: 20-01-2026

5. Chủ thể thành lập hộ kinh doanh: Cá nhân

6. Thông tin về chủ hộ kinh doanh:

Họ và tên: TẠ THỊ SÁU

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 01/02/1964 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 034164004904

Nơi thường trú: Thôn số 3, Xã Thái Thụy, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Nơi ở hiện tại: Thôn số 3, Xã Thái Thụy, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

ghi rõ họ, tên và đóng dấu

TRƯỞNG PHÒNG



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Hiền



Phạm Thế Chúc



AR-26-VD-063815-01 / EUVNHC-00411922- Trang : 1 / 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

HỘ KINH DOANH CƠ SỞ CHẾ BIẾN HẢI SẢN THỂ LONG

Số nhà 14/20, đường Ưông Sỹ Đoan, Xã Thái Thụy

Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : X4GD2603120252-HN

Mã số mẫu : 743-2026-00055081

Mã số Eol :

005-32410-696919

Tên mẫu / Tên sản phẩm :

Chân sữa tươi

NSX: 02/03/2026

HSD: 90 ngày

Mô tả mẫu :

Mẫu đựng trong bao bì kín

Ngày nhận mẫu :

12/03/2026

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 24/03/2026

Thời gian kiểm nghiệm :

12/03/2026 - 24/03/2026

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VW020 VW (a) <i>Salmonella spp.</i>	/25 g	ISO 6579-1:2017/Amd.1:2020	Không phát hiện
2	VW031 VW (a) <i>Staphylococci</i> dương tính với <i>coagulase</i>	cfu/ g	ISO 6888-1:2021/ Amd 1:2023	Không phát hiện (LOD=10)
3	VWAS2 VW (a) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=1)
4	VW012 VW (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ g	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	4.9x10 ³
5	VD157 VD (a) Xơ Dinh Dưỡng	g/ 100 g	AOAC 991.43	Không phát hiện (LOD=0.05)
6	VD1NP VD (a) Béo	g/ 100 g	TCVN 3703:2009	Không phát hiện (LOD=0.1)
7	VD1NN VD (a) Độ ẩm	%	TCVN 3700:1990	93.3
8	VD2NF VD (a) Đạm	g/ 100 g	TCVN 3705:1990	2.50
9	VWWS6 VW Carbohydrat (không bao gồm xơ dinh dưỡng)	g/ 100 g	FAO Food and Nutrition paper 77 Chapter 2/section 2.3:2003	Phát hiện vết(<0.3)
10	VW073 VW (a) Cadimi (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
11	VW054 VW (a) Tro	%	TCVN 5105:2009	3.93
12	VW072 VW (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.017)
13	VW074 VW (a) Thủy ngân (Hg)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.007)
14	VD6ZP VD (a) Natri (Na)	mg/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3500 (Ref. AOAC 969.23)	1470
15	VWL74 VW Năng lượng (Bao gồm xơ dinh dưỡng)	kcal/ 100 g	FAO 2003 77	11



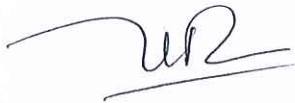
AR-26-VD-063815-01 / EUVNHC-00411922- Trang : 2 / 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2026-00055081

Phát hiện vết: kết quả $\geq$ LOD và $<$ LOQ.
LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.

Ký tên



Trần Thị Mỹ Dung
Giám Đốc Chi Nhánh Miền Bắc



Ly Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 25/03/2026, và được phê duyệt điện tử bởi Ly Hoàng Hải 25/03/2026.

Ghi chú giải thích

Thông thường, mẫu được lưu giữ 10 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sack-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

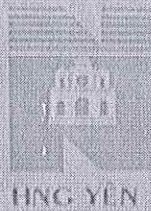
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sacký Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sacký Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

*CERTIFICATE
OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS*

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THÁI THUY
CHỨNG NHẬN/CERTIFICATION**

Cơ sở/Establishment: **HỘ KINH DOANH CƠ SỞ CHẾ BIẾN HẢI SẢN THẾ LONG**

Mã số đăng ký kinh doanh/Registration number: 034164004904

Địa chỉ: Số nhà 14/20, Đường Ưông Sĩ Đoan, thôn 4, xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại: 0915.443.406

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất kinh doanh sản phẩm:

Has been found to be in compliance with food safety regulations for following products:

1. Sứa đóng gói
2. Bánh khoai môn
3. Rau, củ đóng gói

Số cấp/number: 01/2026/UBND-TT

Có hiệu lực đến ngày: 02 tháng 02 năm 2029

Valid until (date/month/year): 02/02/2029

Thái Thụy, ngày 22 tháng 02 năm 2026



CHỦ TỊCH
Nguyễn Đức Trọng